TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2025
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989,
ĐKHKTT: tổ 28, phố Lê Đồng, Âu Cơ, thị xã P, P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- Bị đơn: Anh Lê Đức H, sinh năm 1989,
ĐKHKTT: tổ 28, phố Lê Đồng, Âu Cơ, thị xã P, P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Long G, sinh năm 1967.
ĐKHKTT: khu 2, xã Lương Lỗ, huyện T, tỉnh P.

(Chị D, ông G có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: chị và anh Lê Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/12/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Âu Cơ, thị xã P, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian cả hai vợ chồng anh chị đều đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, trong thời gian ở

nước ngoài giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị 01 con chung là cháu Lê Khánh P, sinh ngày 09/01/2016. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong thời gian chị D ở nước ngoài anh đề nghị Tòa án tạm giao cháu P cho ông Nguyễn Long G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D trở về Việt Nam.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long G trình bày:

Ông là bố đẻ của chị D. Về việc chị D khởi kiện ly hôn anh H, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung ông G có quan điểm hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị D. Hiện nay cháu P đang được ông G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy ông G đề nghị Tòa án tạm giao cháu P cho ông tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị D ở nước ngoài, khi nào chị D trở về Việt Nam ông sẽ bàn giao cháu P cho chị D. Ông G không yêu cầu chị D, anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ông nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P.

Chị Nguyễn Thị D trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh H cho Tòa án được. Chị D đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh H ở Dubai thông qua bố đẻ của anh H là ông Lê Đức T.

Thân nhân của anh Lê Đức H ông Lê Đức T trình bày: ông là bố đẻ của anh Lê Đức H, hiện tại ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh H qua điện thoại nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở chỗ nào tại Dubai vì anh H không nói cho ông biết. Do vậy, ông không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H tại Dubai cho Tòa án. Ông T cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H được biết. Việc chị D làm đơn xin ly hôn anh H, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn

Thị D. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Đức H. Về con chung: giao cháu Lê Khánh P, sinh ngày 09/01/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian chị D ở nước ngoài tạm giao cháu P cho ông Nguyễn Long G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D về nước. Anh Lê Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D nộp đơn xin được ly hôn với anh Lê Đức H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị D trình bày hiện chị D và anh H đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 293/QLXNC-Đ1 ngày 27/3/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận chị D và anh H đã xuất cảnh, hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Lê Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/12/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Âu Cơ, thị xã P, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa T, yêu thương nhau. Trong thời gian vợ chồng anh chị đi nước ngoài giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức H.

Anh Lê Đức H hiện đang ở nước ngoài, chị Nguyễn Thị D chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Lê Đức H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị D, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh H ở nước ngoài thông qua bố đẻ của anh H là ông Lê Đức T.

Bố đẻ của anh Lê Đức H - ông Lê Đức T cung cấp thông tin: hiện tại ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài vì anh H không nói cho ông được biết. Do vậy ông không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H cho Tòa án được. Ông T cũng

nhất trí nhận thay anh H các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H biết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị D và anh H đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Lê Đức H là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị D được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị D và anh Lê Đức H 01 con chung là cháu Lê Khánh P, sinh ngày 09/01/2016. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cháu P cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét thấy, hiện nay anh H đang ở nước ngoài không có lời trình bày tại Tòa án. Hơn nữa, tại bản trình bày ý kiến của mình cháu P thể hiện mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo các điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu P thì cần giao cháu P cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời gian chị D ở nước ngoài tạm giao cháu P cho ông Nguyễn Long G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D về nước.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị D do chị D tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị D không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Đức H.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Khánh P, sinh ngày 09/01/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian chị D ở nước ngoài tạm giao cháu P cho ông Nguyễn Long G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D về nước.

Anh Lê Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D do chị D không yêu cầu.

Anh Lê Đức H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị D (do ông Nguyễn Long G nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000574 ngày 25/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: đương sự có mặt ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; các đương sự ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được Tùnghiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND phường Âu Cơ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh